



MOTTA LUBRICATION | HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT

# DÒNG S

## Dầu máy nén khí S600 / S800

### OPERATION AND HANDLING INSTRUCTIONS

| Số tài liệu    | Phiên bản | Ngày phát hành | Trạng thái phát hành   |
|----------------|-----------|----------------|------------------------|
| MOTTA-S-OHI-VI | REV.04    | 2026-09-13     | Đã ban hành để sử dụng |

Dùng cùng TDS, SDS sản phẩm hiện hành và hướng dẫn bảo dưỡng thiết bị. Do MOTTA Lubricants phát hành. Phiên bản hiện hành của tài liệu được công bố tại [motta-lube.com/documents/](https://motta-lube.com/documents/) — nếu bản của bạn khác, danh sách đó là căn cứ.

### 1 Phạm vi

Dành cho S600 và S800 trong máy nén khí phù hợp với đúng sản phẩm và độ nhớt. Chọn sản phẩm theo thiết kế piston, trục vít hoặc cánh gạt cụ thể thay vì coi mọi cấp là thay thế được cho nhau. Hướng dẫn không bao gồm dầu máy nén ethylene S220, máy nén lạnh, môi trường oxy/khí phản ứng và tiêu chuẩn khí thở.

#### Sản phẩm MOTTA thuộc phạm vi sở tay này

| Sản phẩm   | Cấp                                 | Tiêu chuẩn và cấp hiệu năng | Quy cách bao bì |
|------------|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------|
| MOTTA S600 | VG 32, VG 46, VG 68, VG 100, VG 150 | ISO 6743-3 (DAA/DAB)        | 18L / 200L      |
| MOTTA S800 | VG 32, VG 46, VG 68                 | ISO 6743-3 (DAB/DAG)        | 18L / 200L      |

Cấp, tiêu chuẩn và quy cách bao bì theo bảng dữ liệu kỹ thuật của từng sản phẩm tại [motta-lube.com/products/](https://motta-lube.com/products/). Khi bảng dữ liệu và bảng này khác nhau, bảng dữ liệu được áp dụng.

### 2 Chọn sản phẩm và thiết bị

- Đối chiếu TDS của đúng sản phẩm và độ nhớt với mẫu máy nén, mạch bôi trơn, điều kiện đầu xả và yêu cầu vật liệu. Kiểm tra dầu đang dùng và tương thích trước khi chuyển đổi. Nhãn tổng hợp không cho biết toàn bộ hóa học của dầu gốc hay xác lập khả năng trộn.
- Xác định lọc dầu, bộ tách, mạch hồi/hút dầu, bộ làm mát và thiết bị bảo vệ lắp trên máy. Làm theo thiết kế đó; không áp dụng hướng dẫn máy nén trục vít phun dầu cho mạch bôi trơn không liên quan. Chỉ việc dùng dầu không xác lập độ sạch khí nén.

### 3 Cách ly, xả và nạp dầu

- Dùng theo trình tự dừng máy bình thường. Cách ly điện, tự khởi động lại và các nguồn áp nối vào; xả áp qua đường quy định và xác nhận mọi đoạn kín đều an toàn trước khi mở. Động cơ đã dừng hoặc một đồng hồ chỉ 0 không chứng minh toàn bộ cụm đã hết áp.
- Chờ dầu về nhiệt độ an toàn, thu gom dầu cũ và thay lọc/phớt theo quy định. Bảo dưỡng bộ tách dầu và chi tiết hồi dầu khi cần. Không bỏ qua thiết bị an toàn và không súc rửa bằng dung môi khi không được chỉ định.
- Nạp qua đầu nối quy định đến mức hoặc lượng và trạng thái kiểm tra quy định cho máy. Tránh đổ quá mức. Lắp lại nút, tấm che và đầu nối theo quy trình và lực siết yêu cầu; ghi sản phẩm, lô và lượng.

## 4 Khởi động lại và mức nền vận hành

- Khôi phục bố trí yêu cầu và xác nhận chức năng bảo vệ. Khởi động và tăng tải theo quy trình máy; khởi động không tải không phải hướng dẫn chung. Kiểm tra cấp dầu, rò rỉ, nhiệt độ đầu xả, áp suất và tiếng ồn từ vị trí an toàn. Kiểm tra lại mức dầu ở điều kiện quy định.
- Ghi nhiệt độ, áp suất, chênh áp lọc/bộ tách (nếu đo), tiêu hao dầu và chế độ làm việc trong cùng điều kiện vận hành. So với giới hạn thiết bị. Điều tra dầu bị cuốn theo tăng qua mức nạp, bộ tách, mạch hồi dầu, chỗ nghẽn và tải; không chẩn đoán đó chỉ là vấn đề của dầu.

## 5 Tình trạng dầu và chu kỳ bảo dưỡng

- Đặt giới hạn giờ và thời gian theo chương trình bảo dưỡng của đúng sản phẩm và máy nén. Mã sản phẩm hay ghi tổng hợp không mặc nhiên cho phép kéo dài chu kỳ. Ghi lại lần châm thêm; châm thêm không làm mới tuổi dầu hay bảo dưỡng lọc.
- Dùng mẫu tham chiếu dầu mới và điểm lấy mẫu lặp lại được. Đánh giá độ nhớt, tính axit, nước, oxy hóa/cặn và mòn khi phù hợp bằng phương pháp nhất quán và giới hạn riêng của sản phẩm/thiết bị. Không dùng phần trăm thay đổi độ nhớt chung hoặc một kết quả tốt để cho phép tiếp tục sử dụng.
- Thay đổi màu hoặc mùi là dấu hiệu cần điều tra nhưng không đo được mức độ cặn. Khi nghi có cặn hoặc vấn đề bộ tách, kiểm tra an toàn các chi tiết liên quan. Khắc phục nguyên nhân về nhiệt độ, làm mát, nhiễm bẩn hoặc cơ khí trước khi đưa máy trở lại; chỉ thay dầu không phải là sửa chữa.

## 6 Xử lý sự cố và chuyển đổi

- Khi ngắt do nhiệt độ cao, mất bôi trơn, tiếng ồn cơ khí bất thường, rò rỉ nghiêm trọng hoặc có khói, dừng máy theo quy trình sự cố/khẩn cấp quy định. Không đặt lại bảo vệ nhiều lần hoặc tiếp tục chạy trong khi chờ kết quả phân tích dầu. Coi cháy hoặc áp suất không an toàn là tình huống khẩn cấp của nhà máy.
- Dùng sản phẩm quy định để châm thêm định kỳ. Trước khi đổi sản phẩm, xác lập tương thích thực tế, cách xử lý dầu còn lại, bảo dưỡng lọc/bộ tách và khởi động lại có giám sát. Cả cho phép trộn chung lẫn cấm tuyệt đối trộn khoáng với tổng hợp đều không thay thế được đánh giá riêng cho sản phẩm.

## 7 Giá trị tham khảo — chỉ mang tính định hướng, không phải thông số của MOTTA

Các số liệu dưới đây là tham chiếu ngành đã công bố, giúp đánh giá số đo tại hiện trường khi không có tài liệu máy. Đây là gợi ý sàng lọc, không phải giới hạn loại bỏ. Khi nhà sản xuất thiết bị, nhà sản xuất chi tiết hoặc phòng thí nghiệm phân tích dầu của bạn đưa ra con số, con số đó được áp dụng và bảng này không áp dụng.

### Tham chiếu tiêu chuẩn

| Tham chiếu    | Phạm vi                                     | Đơn vị phát hành |
|---------------|---------------------------------------------|------------------|
| DIN 51506 VDL | Dầu cho máy nén khí, cấp tải nhiệt cao nhất | DIN              |
| ISO 3448      | Phân loại cấp độ nhớt                       | ISO              |

### Khi nào số đo đáng điều tra

| Đo gì                       | Dấu hiệu cần điều tra                                             | Vì sao là con số này                                                                      |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhiệt độ đầu xả             | Tăng so với mức bình thường đã xác lập của chính máy đó           | Nhiệt độ đầu xả quyết định oxy hóa và tạo cặn nhiều hơn số giờ vận hành                   |
| Độ nhớt động học ở 40 °C    | Lệch hơn $\pm 10\%$ so với mẫu tham chiếu dầu mới của sản phẩm đó | Giá trị sàng lọc giám sát tình trạng phổ biến; cũng xác nhận đúng sản phẩm trong hệ thống |
| Cặn ở bộ tách hoặc đường xả | Vecni, carbon hoặc lõi bộ tách bị phủ vecni                       | Cặn ở đầu xả là dấu hiệu đầu tiên của ứng suất nhiệt hoặc oxy hóa                         |

| Đo gì          | Dấu hiệu cần điều tra                                            | Vì sao là con số này                                                  |
|----------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Hàm lượng nước | Trên 0.05 % (500 ppm), hoặc có bất kỳ nước tự do hay nhũ hóa nào | Nước tự do ở bất kỳ mức nào đều tấn công hệ phụ gia và bề mặt vòng bi |

Một kết quả đơn lẻ là lý do để kiểm tra, không phải lý do để xả dầu. Xác lập mẫu tham chiếu dầu mới cho sản phẩm đang dùng, theo dõi xu hướng so với mẫu đó và tìm nguyên nhân trước khi thay dầu — thay dầu không loại bỏ được nguồn nhiễm bẩn hay lỗi cơ khí.

### 8 Lưu kho và xử lý chất thải

- Giữ thùng gốc đóng kín, khô ráo và ghi nhãn rõ. Tránh nhiễm bẩn, nguồn lửa và vật liệu không tương thích; tuân theo SDS sản phẩm về thao tác và trang bị bảo hộ.
- Dùng thùng chuyển sạch, khô, có nhãn, không bao giờ dùng đồ đựng thực phẩm. Thu gom riêng dầu thải, lọc và vật liệu dính dầu để thải bỏ phù hợp; không để dầu vào cống và đất.

### Thông tin sử dụng và tài liệu

Lựa chọn và bảo dưỡng phụ thuộc đúng sản phẩm, máy và quy trình. Giải quyết hướng dẫn mâu thuẫn với đầu mỗi kỹ thuật thiết bị và dầu trước khi làm; tuân theo quy trình an toàn và xử lý chất thải tại cơ sở.

Phiên bản 02: giới hạn phạm vi ở S600/S800, loại trừ S220; sửa cách ly áp suất, khởi động, chẩn đoán dầu bị cuốn theo và giới hạn tình trạng dầu theo sản phẩm. Phiên bản 03: bổ sung mục giá trị tham khảo — số liệu ngành đã công bố để sàng lọc tại hiện trường. Phiên bản 04: sửa giá trị tham khảo cho băng trượt, trục chính, dầu bánh răng tổng hợp và nước làm mát pha sẵn; bổ sung bảng sản phẩm MOTTA áp dụng; bổ sung thông báo bản quyền và nhãn hiệu.

### Hồ sơ nên lưu giữ

| Hồ sơ                | Thông tin cần lưu                                                                                                                               |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vận hành / bảo dưỡng | Mẫu máy nén/mạch, dầu/cấp/lô/lượng, số giờ, nhiệt độ, áp suất/chênh áp, lần châm thêm, lọc/bộ tách, phương pháp lấy mẫu và hành động khắc phục. |
| Trách nhiệm          | Ngày, kỹ thuật viên, phát hiện, hành động và lần xem xét tiếp theo.                                                                             |

© 2026 TIANSHU ENERGY GROUP CO., LIMITED. Bảo lưu mọi quyền. MOTTA® là nhãn hiệu đã đăng ký. Tài liệu này không được sao chép, chỉnh sửa hoặc phát hành dưới tên hay thương hiệu khác khi chưa có sự cho phép bằng văn bản. Xác minh tính xác thực và phiên bản hiện hành tại [motta-lube.com/documents/](https://motta-lube.com/documents/).